

Số/编号: 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ.GTJA

----- oOo -----

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2023

河内, 2023 年 6 月 29 日

NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
2023 年股东大会决议

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành;
根据现行企业法和证券法;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam);
国泰君安证券（越南）公司章程;
- Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) năm 2023 số 02/2023/BB-ĐHĐCĐ.GTJA ngày 29 tháng 06 năm 2023.
根据 2023 年 06 月 29 日国泰君安证券（越南）股份公司 2023 年年度股东大会会议纪要
编号《01/2023/BB-DHDCD.GTJA》。

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
国泰君安证券（越南）股份公司 2023 年年度股东大会

QUYẾT NGHỊ
决定

Điều 1: THÔNG NHẤT CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI:

第一条: 同意大会所通过的议案:

1. Thông qua toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính đã được kiểm toán của Công ty trong năm 2022.

股东大会通过公司 2022 年经审计的经营结果和财务指标。

Đơn vị: VND
单位: 越南盾

STT	CHỈ TIÊU 指标	Năm 2021 2021 年	Năm 2022 2022 年	Thay đổi 比例 (%)
1	Tổng tài sản 资产总额	842.240.929.063	811.169.005.919	-3,69%
2	Tổng doanh thu 收入总额	96.163.388.872	87.585.897.914	-8,92%
2.1	Doanh thu hoạt động 经营活动收入	84.155.407.477	72.407.842.830	-13,96%
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính 财政活动收入	12.004.290.486	15.178.055.084	26,44%
2.3	Thu nhập khác 其他收入	3.690.909		- 100,00%
3	Tổng chi phí 费用总额	58.063.220.107	65.130.219.443	12,17%
3.1	Chi phí hoạt động 经营费用	29.220.548.963	32.618.325.703	11,63%
3.2	Chi phí tài chính 财政费用	1.561.414.524	1.334.926.271	-14,51%
3.3	Chi phí quản lý công ty 公司管理费用	27.281.256.620	31.176.967.469	14,28%
4	Chi phí khác 其他费用			
5	Kết quả hoạt động 经营结果	38.100.168.765	22.455.678.471	-41,06%
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế 税前会计利润	38.100.168.765	22.455.678.471	-41,06%
7	Chi phí thuế TNDN 企业所得税费用	3.129.907.524	5.210.773.702	66,48%
8	Lợi nhuận kế toán sau thuế 税后会计利润	34.970.261.241	17.244.904.769	-50,69%
9	Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông 每股收益	504,26	248,66	-50,69%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)
来源: 2022 年经审计的财务报表

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

股东大会通过 2022 年利润分配方案:

DVT: VND
单位: 越南盾

STT	Chỉ tiêu 指标	Số tiền 总额
1	Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2022 截至 2022 年 12 月 31 日的累计利润	4.529.413.831
2	Trích quỹ theo quy định 按规定扣款	0
3	Chi trả cổ tức cho cổ đông 向股东支付股息	0
4	Lợi nhuận để lại (chuyển sang năm 2023) 留存利润 (移至 2023 年)	4.529.413.831

3. Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính năm 2023.

股东大会通过 2023 年经营计划和财务指标。

DVT: tỷ đồng
单位: 十亿越南盾

STT 序号	Chỉ tiêu 指标	Kế hoạch 计划
1	Tổng doanh thu 总收入	96,5
2	Tổng chi phí 总费用	70,7
3	Lợi nhuận trước thuế 税前利润	25,8

4. Thông qua việc Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) là đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho GTJA (Vietnam).

选择越南审计与估价有限公司 (VAE) 作为 GTJA (Vietnam) 审计半年度财务报表、半年度财务充足率报告、2023 年财务报表和截止 2023 年 12 月 31 日财务充足率报告的审计单位。

Trong trường hợp Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) từ chối hoặc bất kỳ lý do nào không tiếp tục cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho GTJA (Vietnam) thì Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị tiếp tục cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên,

báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho GTJA (Vietnam).

如果越南审计与计价有限公司(VAE)

拒绝或出于任何原因不继续提供审计半年度财务报表、半年度财务充足率报告、2023年财务报表和截止2023年12月31日财务充足率报告的服务, 股东大会选择UHY审计和咨询有限公司继续提供审计GTJA (Vietnam) 半年度财务报表、半年度财务充足率报告、审计2023年财务报表和截至2023年12月31日财务充足率报告的服务。

Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền có HĐQT, Tổng Giám đốc đàm phán ký kết Hợp đồng và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

同时, 股东大会授权董事会、总经理按规定协商签订合同和披露信息。

5. Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023.

股东大会通过董事会和监事会 2023 年报酬。

DVT: đồng VN
单位:越南盾

STT 字号	Chức danh 职务	Số lượng người 人数	Mức thù lao (Sau thuế) (Người/tháng) 报酬 (税后) (人/月)
I	Hội đồng quản trị 董事会	5	
1	Chủ tịch 董事长	1	20.000.000
2	Thành viên 董事会成员	4	15.000.000
II	Ban kiểm soát 监事会	3	
1	Trưởng ban 会长	1	2.000.000
2	Thành viên 成员	2	1.000.000

(*): Chủ tịch HĐQT – Wang Jun Hong và 2 thành viên HĐQT là Ông Yim Fung, Ông Huang Bo từ chối nhận thù lao trong năm 2023.

董事长 – 汪俊红先生及 2 位董事阎峰先生, 黄博先生不收 2023 年董事会报酬。

6. Thông qua việc miễn nhiệm Ông Võ Thế Vinh – không là thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2025 kể từ ngày 29/06/2023.

股东大会通过免去武世荣先生 - 从 2023 年 6 月 29 日开始不再是 2022-2025 年任期内监事会成员。

7. Thông qua việc bầu bổ sung Ông Lê Tất Thành – là thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2025 kể từ ngày 29/06/2023.

股东大会通过补充选举黎必诚先生 - 从 2023 年 6 月 29 日开始成为 2022-2025 年任期内监事会成员。

Điều 2: TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

第二条：展开决议

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

2023 年年度股东大会同意授权公司董事会有责任按照公司章程和现行法律规定展开本决议。

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện Nghị quyết này tại cuộc họp Đại hội cổ đông gần nhất.

董事会有责任在最近股东大会报告实施决议的进度。

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

代表主席团

Chủ tọa

主席团团长

